

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-ST

Ngày: 14-9-2022

V/v tranh chấp tiền hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phụng L2, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L2 và anh K: Anh Nguyễn Nhật N, sinh năm 1992; Địa chỉ: số 427C4, khu phố 6, phường P1, thành phố B1, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Thanh T là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Bà T có chơi hụi do bà L2 làm đầu thảo gồm các dây hụi như sau:

- Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/01/2022, hụi ngày, mỗi ngày khui một lần gồm 30 phần, bà T tham gia một phần, đóng được 29 ngày hụi sống với tổng số tiền 57.200.000 đồng.

- Dây 2: Hụi 500.000 đồng khui ngày 06/02/2022, hụi ngày, mỗi ngày khui một lần gồm 28 phần, bà T tham gia một phần, đóng được 10 ngày hụi sống với tổng số tiền 5.000.000 đồng.

- Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 06/02/2022, hụi ngày, mỗi ngày khui một lần gồm 29 phần, bà T tham gia một phần, đóng được 10 ngày hụi sống với tổng số tiền 10.000.000 đồng.

- Dây 4: Hụi 3.000.000 đồng khui ngày 17/7/2021, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần gồm 22 phần, bà T tham gia một phần, đóng được 08 tháng hụi sống với tổng số tiền 24.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2022 bà T yêu cầu bà L2 và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi tổng cộng là 96.200.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày sau khi tính toán lại và căn cứ lời thừa nhận của phía bị đơn thì bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L2 và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng số tiền nợ hụi là 87.475.000 (Tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, không tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Phụng L2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K là ông Nguyễn Nhật N trình bày như sau:

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà L2: Bà L2 thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi tổng cộng là 87.475.000 đồng. Nay bà L2 đồng ý trả cho bà T số tiền hụi nêu trên nhưng không đồng ý trách nhiệm liên đới với ông K. Lý do đây là nợ cá nhân của bà L2. Việc bà L2 chơi hụi với bà T là để kiếm tiền nuôi con nhưng bà L2 không nói cho ông K biết, thời gian chơi hụi này bà L2 và ông K sống ly thân. Bà L2 yêu cầu được trả dần, mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi hết nợ.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông K không biết bà L2 chơi hụi với bà T, ông K không tham gia, không liên quan nên ông K không đồng ý trách nhiệm liên đới trả nợ với bà L2.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ hụi tổng cộng

là 87.475.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng L2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui tổng cộng là 96.200.000 đồng, không tính lãi nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà T cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi hành vi vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng của bà L2 nên bà T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà L2 có nơi cư trú tại ấp An Hóa, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của bà T về việc buộc bà L2 có nghĩa vụ trả tiền nợ hui tổng cộng 87.475.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ thừa nhận số tiền nợ hui tổng cộng là 87.475.000 đồng chứ không thừa nhận các dây hui về số tiền, số phần hui, kỳ mở hui ... như đơn khởi kiện đã nêu. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, chính bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng L2 đã khai bà thống nhất về các dây hui, số tiền, loại hui, ngày khai, số phần hui, hui viên tham gia và số lần đóng của bà T, chỉ không đồng ý về số tiền thực đóng thôi. Do đó, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cũng theo biên bản lấy lời khai này, bà L2 thừa nhận còn nợ bà T số tiền hui tổng cộng là 87.475.000 đồng phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, bị đơn bà L2 phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ hui tổng cộng là 87.475.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của bà T về việc buộc nghĩa vụ liên đới trả nợ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K, Hội đồng xét xử nhận định: Thứ nhất, phía nguyên đơn giao nộp chứng từ sao kê của ngân hàng cho rằng ông Khoa có chuyển tiền hui cho bà Võ Ngọc Quý (là người tham gia chơi hui với bà L2) nhưng tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận người tên Võ Ngọc Quý không tham gia, không liên quan các dây hui bà T khởi kiện trong

vụ án này. Do đó, tài liệu này không có cơ sở xem xét. Thứ hai, mặc dù tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nói rằng bà L2 chơi hụi để nuôi con nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022, bà L2 khai chơi hụi để kiếm thêm thu nhập trong thời gian dịch bệnh, ông K không biết, không tham gia vào việc chơi hụi của bà. Mặt khác, các dây hụi là hụi ngày, với số tiền giao dịch 500.000 đồng, 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng cho mỗi phần hụi mỗi ngày với nhiều dây hụi trong cùng khoảng thời gian thì không thể coi là giao dịch nhằm để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Phía ông K cũng cho rằng không biết và không thừa nhận trách nhiệm liên đới trả nợ. Nguyên đơn lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nghĩa vụ liên đới của ông K. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông K có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà L2.

[6] Xét đề nghị của phía bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Về phương thức trả nợ do các bên thỏa thuận, phù hợp quy định pháp luật sẽ được ghi nhận, nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trả dần của bị đơn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Xét về án phí: Yêu cầu trả tiền của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà L2 phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật. Yêu cầu liên đới trả nợ của bà T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Cụ thể tuyên:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T số tiền nợ hụi tổng cộng là 87.475.000 (Tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng L2 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.374.000 (bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005785 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai trên.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kim Ngân